

Số: 33/2018/QĐST-HNGĐ

Yên Châu, ngày 31 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị P. Sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản K, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Quàng Văn N. Sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản K, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Xuân D – Cán bộ tín dụng. Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu A, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 25/4/2018).

- Chị Quàng Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản K, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Anh Quàng Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản K, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 05 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 05 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn N có 02 con chung: Quàng Thị T, sinh ngày 12/6/1991; Quàng Thị L, sinh ngày 08/8/1994. Hiện nay chị T đã đi nhà chồng, còn chị L đã trưởng thành và ra ở riêng. Về con chung 02 cháu đã trưởng thành chị P và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nhưng yêu cầu Tòa án ghi nhận theo biên bản thỏa thuận tài sản chung và nợ chung ngày 28/02/2018, cụ thể như sau:

- 01 nhà sàn ba gian (01 gian, 02 trái bồ câu), vách thưng ván, sàn bằng ván gỗ, lợp ngói đỏ, dựng trên mảnh đất thổ cư 340 m², có tứ cạnh: Cạnh thứ nhất giáp đất ông Quàng Văn V thửa 40 (V), cạnh thứ hai giáp đất ông Lò Văn Đ thửa 45⁽¹⁾ (T), cạnh thứ ba giáp đất ông Quàng Văn C thửa 40⁽²⁾ (T), cạnh thứ tư giáp đất ông Quàng Văn N. GCNQSDĐ mang tên ông Quàng Văn N, số sổ: 0512678, được cấp theo quyết định số: 108/QĐ-UB ngày 18/3/1999 của UBND huyện Y, tỉnh Sơn La, địa chỉ thửa đất: Bản K, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Chị P và anh N thỏa thuận thống nhất để lại chị Quàng Thị L.

Về đất nương, đất ruộng, đất vườn, đất dự án 661 chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn N tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nhưng yêu cầu Tòa án ghi nhận theo biên bản thỏa thuận nợ chung của hai vợ chồng ngày 28/02/2018, cụ thể như sau:

- Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, tỉnh Sơn La:

+ Anh Quàng Văn N nhận trả số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định, theo chương trình vay hộ mới thoát nghèo vay vào ngày 18/9/2015.

+ Chị Quàng Thị P nhận trả: Số tiền gốc là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) và lãi suất theo quy định, vay theo chương trình học sinh, sinh viên ngày vay đầu tiên vào ngày 18/4/2013 (chị P đã thanh toán xong cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y); Khoản cho vay nước sạch và VSMT nông thôn là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và lãi suất theo quy định vay vào ngày 18/5/2015.

- Đối với khoản nợ anh Quàng Văn Đ:

+ Anh Quàng Văn N nhận trả 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chị Quàng Thị P nhận trả 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra các khoản nợ chung khác anh Quàng Văn N nhận trả.

Kể từ ngày Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, anh Quàng Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Quàng Văn N và chị Quàng Thị P chậm thực hiện

nghĩa vụ trả tiền, anh Quảng Văn N và chị Quảng Thị P còn phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, anh Quảng Văn Đ tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị Quảng Thị P tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Song được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000004 ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Hoàn trả cho chị Quảng Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TA tỉnh;
- VKS huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hương

